

Số: 172/2018/CV-BSGSL

Tp Vinh, ngày 14 tháng 06 năm 2018

V/v: Giải trình lợi nhuận BCTC quý
1/2018 thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ
năm trước.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: ty cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam

Địa chỉ: Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Mã số thuế: 2900783332

Người đại diện: Võ Hải Thanh

Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức quy định giải trình nguyên nhân đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam giải trình Báo cáo tài chính quý 1 năm 2018 cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu | QUÝ 1 | | Tăng (+) Giảm (-) | Tỷ lệ |
|---|-----------------|-----------------|----------------------|-------|
| | Năm 2018 | Năm 2017 | | |
| 1 | 2 | 3 | 4=2-3 | 5=4/3 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 177,832,576,174 | 189,315,321,401 | (11,482,745,227) | -6% |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02) | 177,832,576,174 | 189,315,321,401 | (11,482,745,227) | -6% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 169,586,000,461 | 176,604,174,513 | (7,018,174,052) | -4% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 8,246,575,713 | 12,711,146,888 | (4,464,571,175) | -35% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 10,757,611 | 450,295,761 | (439,538,150) | -98% |
| 7. Chi phí tài chính | 3,058,574,806 | 3,282,412,039 | (223,837,233) | -7% |
| 8. Chi phí bán hàng | 224,861,086 | 248,807,011 | (23,945,925) | -10% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5,499,420,183 | 5,559,260,523 | (59,840,340) | -1% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | (525,522,751) | 4,070,963,076 | (4,596,485,827) | -113% |
| 11. Thu nhập khác | 147,395,000 | 144,461,236 | 2,933,764 | 2% |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 147,395,000 | 144,461,236 | 2,933,764 | 2% |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | (378,127,751) | 4,215,424,312 | (4,593,552,063) | -109% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | | 1,008,390,843 | (1,008,390,843) | -100% |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | (378,127,751) | 3,207,033,469 | (3,585,161,220) | -112% |



Nguyên nhân kết quả lỗ của quý 1/2018 là do:

- Giá vốn hàng bán tăng:
 - + Do sản lượng sản xuất giảm so với quý 1/2017, cụ thể trong tháng 2/2018 sản lượng sản xuất quá thấp dẫn đến giá thành, giá vốn cao gây ra lỗ lũy kế cho doanh nghiệp trong quý 1..
 - + Do đơn giá nguyên vật liệu quý 1 năm 2018 tăng so với năm 2017.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt tăng 5% so với thực hiện năm 2017.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty về việc biến động lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính quý 1/2018 kính gửi đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

